

Số: /QĐ-HCQG

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành định mức xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ nguồn thu sự nghiệp của Học viện Hành chính Quốc gia

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

*Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-TTg ngày 19/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Hành chính Quốc gia trực thuộc Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Theo đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này định mức xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ nguồn thu sự nghiệp của Học viện Hành chính Quốc gia.

**Điều 2.** Định mức xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định trong Quyết định này áp dụng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở thực hiện từ nguồn thu sự nghiệp của Học viện Hành chính Quốc gia.

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt thực hiện từ nguồn thu sự nghiệp của Học viện trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực được áp dụng theo các Quy định của Nhà nước và của Học viện tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1626/QĐ-HCQG ngày 15/6/2021 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học hành chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện và đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- TT BNV Triệu Văn Cường (để b/c);
- Vụ KH-TC, Bộ Nội vụ (để b/c);
- Ban Giám đốc HV;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện (để t/h);
- Lưu: VT, KHTC (Ng).

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Bá Chiến**

# **ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỪ NGUỒN THU SỰ NGHIỆP CỦA HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HCQG ngày tháng năm 2023 của Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia)*

## **I. Nguyên tắc áp dụng**

1.1. Các định mức lập dự toán kinh phí quy định tại Quyết định này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ và cấp cơ sở thực hiện từ nguồn thu sự nghiệp của Học viện Hành chính Quốc gia. Trên cơ sở các định mức tại Quyết định này, các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Học viện Hành chính Quốc gia căn cứ tình hình thực tế và khả năng tài chính của đơn vị để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

1.2. Các nội dung chi khác không quy định cụ thể tại Quyết định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

## **II. Chức danh thực hiện nhiệm vụ**

### **2.1. Chủ nhiệm nhiệm vụ**

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ là người chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhiệm vụ trong việc: xây dựng thuyết minh nhiệm vụ; quản lý chung, phân công, điều phối việc thực hiện toàn bộ nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ; đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ; xây dựng báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng các điều kiện đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

c) Mỗi nhiệm vụ chỉ có một chủ nhiệm nhiệm vụ.

### **2.2. Thư ký khoa học**

a) Thư ký khoa học là người hỗ trợ chủ nhiệm nhiệm vụ quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bao gồm việc: hỗ trợ theo dõi đôn đốc tiến độ triển khai nhiệm vụ; hỗ trợ xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; hỗ trợ công tác thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và các công việc hỗ trợ khác theo phân công của chủ nhiệm nhiệm vụ.

b) Mỗi nhiệm vụ chỉ có một thư ký khoa học.

### **2.3. Thành viên chính**

a) Thành viên chính là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ.

b) Trong một nhiệm vụ có nhiều nội dung nghiên cứu. Mỗi nội dung được chủ trì thực hiện bởi tối đa một thành viên chính.

#### 2.4. Thành viên

Thành viên thực hiện nhiệm vụ là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công tham gia thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ.

#### 2.5. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không bao gồm lao động phổ thông)

Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ là người được chủ nhiệm nhiệm vụ bố trí thực hiện các thao tác kỹ thuật hoặc hoạt động hỗ trợ nghiên cứu để phục vụ thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu theo thuyết minh nhiệm vụ.

2.6. Việc lập dự toán chi tiết thù lao cho các chức danh phải gắn với các nội dung nghiên cứu và các công việc cụ thể trong thuyết minh nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

### **III. Định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ**

#### **3.1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Căn cứ theo tính chất và mức độ đóng góp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền thù lao chi tiết theo các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, số tháng tham gia của các chức danh hoặc nhóm chức danh. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ tối đa không quá 40 triệu đồng/người/tháng. Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày.

b) Hệ số lao động khoa học của các chức danh như sau:

<b>STT</b>	<b>Chức danh (CD)</b>	<b>Hệ số lao động khoa học (H<sub>CD</sub>)</b>
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1,0
2	Thư ký khoa học	0,3
3	Thành viên chính	0,8

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học (H <sub>CD</sub> )
4	Thành viên	0,4
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2

Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.

c) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

d) Công thức tính dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ

STT	Theo chức danh/nhóm chức danh	Công thức tính
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	$TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$
2	Thư ký khoa học	$TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$
3	Nhóm thành viên chính	$TL_{TVC} = 0,8 \times DM_{CN} \times \Sigma t_{TVC}$
4	Nhóm thành viên	$TL_{TV} = 0,4 \times DM_{CN} \times \Sigma t_{TV}$
5	Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	$TL_{HT} = 0,2 \times DM_{CN} \times \Sigma t_{HT}$

Trong đó:

$TL_{CN}$  : Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ để thực hiện các công việc quy định tại điểm a, Mục 2.1;

$TL_{TK}$  : Thù lao của thư ký khoa học để thực hiện các công việc quy định tại điểm a, Mục 2.2;

$TL_{TVC}$  : Thù lao của nhóm thành viên chính;

$TL_{TV}$  : Thù lao của nhóm thành viên;

$TL_{HT}$  : Thù lao của nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ;

$DM_{CN}$  : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ;

$T$  : Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ theo tháng;

$\Sigma t_{TVC}$  : Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm thành viên chính;

$\Sigma t_{TV}$  : Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm thành viên;

$\Sigma t_{HT}$  : Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

Trong trường hợp tổng số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ của các nhóm chức danh không đủ tháng thì  $\Sigma t_{TVC}$ ,  $\Sigma t_{TV}$ ,  $\Sigma t_{HT}$  được tính bằng  $\Sigma t_n/22$  (trong đó  $\Sigma t_n$  là tổng số ngày quy đổi không đủ tháng mà nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ( $t_n < 22$ )).

### 3.2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu (nếu có)

Việc thực hiện thuê chuyên gia trong nước hoặc ngoài nước phối hợp nghiên cứu (nếu có) thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

#### a) Thuê chuyên gia trong nước:

Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện bằng 70% mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ lao động thương binh và xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước và quy định hiện hành Nhà nước.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại mục 3.1.

#### b) Thuê chuyên gia ngoài nước:

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại mục 3.1.

### 3.3. Chi hội thảo, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước phục vụ hoạt động nghiên cứu

#### a) Chi tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học:

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Người chủ trì	Người/buổi	1.500
2	Thư ký	Người/buổi	500
3	Báo cáo trình bày tại Hội thảo/tọa đàm	Báo cáo	2.000
4	Báo cáo đặt hàng nhưng không trình bày tại Hội thảo/tọa đàm	Báo cáo	1.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi
5	Thành viên tham dự	Người/buổi	200

b) Chi khác phục vụ tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học, công tác phí thực hiện theo các quy định tại Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ của Học viện và quy định hiện hành của Nhà nước.

### 3.4. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu (nếu có)

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính.

### 3.5. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### 3.6. Chi công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

- Chi tiền thù lao của các Hội đồng:

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi
<b>1</b>	<b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng		1.500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.000
	Thư ký khoa học		300
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200

<b>TT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Định mức chi</b>
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		700
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500
<b>2</b>	<b>Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1.800
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.500
	Thư ký khoa học		300
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		700
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000
<b>3</b>	<b>Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
	Tổ trưởng Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	1.000
	Thành viên	Nhiệm vụ	700
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300



<b>TT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Định mức chi</b>
	Đại biểu mời tham dự	Nhiệm vụ	200
<b>4</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		900
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		750
	Thư ký khoa học		150
	Thư ký hành chính		150
	Đại biểu được mời tham dự		100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500
<b>5</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		1.800
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.500
	Thư ký khoa học		300
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		700
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi
6	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng.	Chuyên gia	1.500

Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc theo quy định hiện hành của Học viện và của Pháp luật (nếu có).

3.7. Những nội dung chi không quy định tại Mục III Quyết định này thực hiện thanh toán tối đa 100% theo định mức quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính.

#### **IV. Định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở**

##### **4.1. Chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Định mức chi không vượt quá 60% định mức chi quy định tại Mục 3.1.

##### **4.2. Chi hội thảo, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.**

a) Chi tổ chức Hội thảo, tọa đàm khoa học

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Người chủ trì	Người/buổi	800
2	Thư ký	Người/buổi	300
3	Báo cáo trình bày tại Hội thảo/tọa đàm	Báo cáo	1.000
4	Báo cáo đặt hàng nhưng không trình bày tại Hội thảo/tọa đàm	Báo cáo	700
5	Thành viên tham dự	Người/buổi	150

##### **4.3. Chi điều tra, khảo sát (nếu có)**

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Lập mẫu phiếu điều tra	Mẫu phiếu được duyệt	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi
a	Đến 30 chỉ tiêu		500
b	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu		750
c	Trên 40 chỉ tiêu		1.000
2	Chi công tác phí cho người tham gia điều tra, phúc tra, kiểm tra		Theo quy định của nhà nước
3	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra		
a	Cá nhân		
	- Đến 30 chỉ tiêu	Phiếu	20
	- Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Phiếu	30
	- Trên 40 chỉ tiêu	Phiếu	40
b	Tổ chức		
	- Đến 30 chỉ tiêu	Phiếu	40
	- Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Phiếu	50
	- Trên 40 chỉ tiêu	Phiếu	60
4	Chi xử lý kết quả điều tra	Phiếu	2
5	Chi viết báo cáo phân tích kết quả điều tra theo chuyên đề	Báo cáo	3.000
6	Chi viết báo cáo tổng hợp điều tra	Báo cáo	5.000

Các nội dung chi và mức chi khác liên quan đến điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện bằng 60% mức chi tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

#### **4.4. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học**

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

#### **4.5. Chi quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ**

a) Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn

- Chi tiền thù lao của các Hội đồng:

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

<b>TT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Định mức chi</b>
<b>1</b>	<b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng		500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		300
	Thư ký khoa học		200
	Thư ký hành chính		150
	Đại biểu được mời tham dự		100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		400
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		400
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		300
<b>2</b>	<b>Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		300
	Thư ký khoa học		200
	Thư ký hành chính		150
	Đại biểu được mời tham dự		100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận	

<b>TT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Định mức chi</b>
		xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		400
<b>3</b>	<b>Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
	Tổ trưởng Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	300
	Thành viên	Nhiệm vụ	200
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	150
	Đại biểu mời tham dự	Nhiệm vụ	100
<b>4</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		300
	Thư ký khoa học		200
	Thư ký hành chính		150
	Đại biểu được mời tham dự		100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		300
<b>5</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		1.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		600
	Thư ký khoa học		400
	Thư ký hành chính		300

<b>TT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Định mức chi</b>
	Đại biểu được mời tham dự		150
<b>b</b>	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		600
<b>6</b>	<b>Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng.</b>	Chuyên gia	700

- Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc theo quy định hiện hành của Học viện và của Pháp luật (nếu có).

4.6. Những nội dung không quy định tại Mục IV Quyết định này thực hiện thanh toán tối đa 60% theo định mức quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính.